TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97446/CT-TTHT
V/v miễn thuế khi chuyên gia nước ngoài mua xe ô tô tại Việt Nam

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được phiếu chuyển số 1015/PC-TCT ngày 03/12/2019 của Tổng cục Thuế chuyển thư hỏi của độc giả Đỗ Quang Minh (phiếu hỏi đáp số 291119-2 ngày 02/12/2019) (sau đây gọi là "Độc giả") do Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính chuyển đến về miễn thuế khi chuyên gia nước ngoài mua xe ô tô tại Việt Nam, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ):

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng và phạm vi áp dụng:

"1. Quy chế này áp dụng cho đối tượng là chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam và thành viên gia đình của họ.

Quy chế này áp dụng đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)..."

+ Tại Điều 3 hướng dẫn một số từ ngữ sử dụng trong Quy chế:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

…

2. "Bên nước ngoài" (Nhà tài trợ vốn ODA) bao gồm: Chính phủ nước ngoài, các tổ chức tài trợ song phương và các tổ chức liên quốc gia hoặc liên Chính phủ cung cấp vốn ODA cho Bên Việt Nam để thực hiện các chương trình, dự án tại Việt Nam.

3. "Bên Việt Nam" bao gồm: Các cơ quan quản lý nhà nước về ODA; các cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA; các chủ chương trình, dự án ODA và các Ban quản lý chương trình, dự án ODA..."

+ Tại Khoản 5 Điều 3 quy định về chuyên gia nước ngoài:

"5. "Chuyên gia nước ngoài" (sau đây gọi tắt là chuyên gia) là người không có quốc tịch Việt Nam vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện

các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án ODA theo quy định hay thỏa thuận trong các Điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài...”

+ Tại Điều 7 quy định miễn trừ dành cho chuyên gia:

“1. Miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và phí trước bạ:

a) Chuyên gia được phép lưu trú ở Việt Nam dưới 183 ngày được miễn thuế khi tạm nhập khẩu, nhập khẩu hoặc mua tại Việt Nam những vật dụng theo danh mục và định lượng tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này (trừ xe ô tô, xe gắn máy hai bánh).

b) Chuyên gia được phép lưu trú ở Việt Nam từ 183 ngày trở lên được miễn thuế khi tạm nhập khẩu, nhập khẩu hoặc mua tại Việt Nam những vật dụng theo danh mục và định lượng tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Chuyên gia tạm nhập khẩu ôtô và xe gắn máy đã qua sử dụng phải tuân thủ điều kiện, trình tự, thủ tục nhập khẩu ôtô và xe gắn máy đã qua sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

…

2. Miễn thuế thu nhập:

Trong thời gian công tác tại Việt Nam, chuyên gia nước ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA.

…”

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC ngày 25/05/2010 giữa Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn quy chế chuyên gia của nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ hướng dẫn hồ sơ xác nhận chuyên gia:

“Điều 3. Xác nhận chuyên gia

1. Hồ sơ xác nhận chuyên gia:

Căn cứ vào phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 và đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Thông tư này, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng chuyên gia có hiệu lực, Chủ dự án gửi Cơ quan chủ quản công văn đề nghị xác nhận chuyên gia kèm theo Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

- Bản cam kết không mang quốc tịch Việt Nam của chuyên gia.

- Bản sao hộ chiếu (có chứng thực) của chuyên gia và các thành viên trong gia đình chuyên gia, trong đó có trang thị thực nhập cảnh Việt Nam (nếu có) và trang đóng dấu xuất nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

- Bản gốc hoặc bản sao (có chứng thực) các tài liệu sau: (i) Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu dịch vụ tư vấn (cá nhân hoặc nhóm chuyên gia); (ii) Tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm phần danh sách tư vấn).

- Văn bản chấp thuận của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong trường hợp có sự thay đổi và bổ sung so với danh sách chuyên gia, tư vấn trong tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bản sao hợp đồng tư vấn của chuyên gia (cá nhân hoặc Nhóm chuyên gia) ký với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền Bên Việt Nam hoặc Bên nước ngoài.

2. Thủ tục xác nhận chuyên gia:

a) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ Hồ sơ hợp lệ của Chủ dự án, Cơ quan chủ quản xác nhận chuyên gia theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này (có đóng dấu giáp lai) và gửi 08 bản gốc cho Chủ dự án.

b) Trong thời gian chưa có xác nhận Chuyên gia thì tùy từng trường hợp Chuyên gia kỹ hợp đồng với Chủ dự án hay với nhà thầu (công ty) mà Chủ dự án hoặc nhà thầu (công ty) có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế địa phương nơi đặt trụ sở của mình về các Chuyên gia thuộc đối tượng miễn thuế Thu nhập cá nhân khi có phát sinh nghĩa vụ thuế..."

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

+ Tại Điều 33 quy định xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa:

"1. Tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt được coi là nộp thừa khi:

a) Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp đối với từng loại thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) quy định của mục lục ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 (mười) năm tính từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Đối với loại thuế phải quyết toán thuế thì người nộp thuế chỉ được xác định số thuế nộp thừa khi có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thuế.

…

2. Người nộp thuế có quyền giải quyết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phải nộp thừa theo thứ tự quy định sau:

a) Bù trừ tự động với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ hoặc còn phải nộp của cùng loại thuế, theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này (trừ trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này).

b) Bù trừ tự động với số tiền phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo của từng loại thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) quy định của mục lục ngân sách nhà nước (trừ trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này). Trường hợp quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm phát sinh số tiền thuế nộp thừa mà không phát sinh khoản phải nộp tiếp theo thì thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản này.

c) Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều này và người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa quy định tại điểm a khoản này sau khi thực hiện bù trừ theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản này mà vẫn còn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa thì người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết hoàn thuế theo hướng dẫn tại Chương VII Thông tư này.

- Trường hợp người nộp thuế được hoàn thuế, vẫn còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thì phải thực hiện bù trước khi hoàn thuế Thứ tự thanh toán bù trừ được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 29 Thông tư này.

…

d) Hồ sơ hoàn thuế, thủ tục giải quyết hồ sơ hoàn thuế, thủ tục hoàn trả tiền thuế bù trừ với khoản thu NSNN được thực hiện theo hướng dẫn tại Chương VII Thông tư này."

+ Tại Điều 57 quy định hồ sơ hoàn các loại thuế, phí khác:

"Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu kèm theo (nếu có)."

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp cá nhân là chuyên gia nước ngoài được cơ quan chủ quản dự án cấp giấy xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-KHĐT-BTC ngày 25/05/2010 giữa Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính thì được miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và phí trước bạ quy định tại Điều 7 Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

Trường hợp cụ thể, đề nghị Công ty độc giả cung cấp hồ sơ, tài liệu cụ thể và liên hệ với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính được biết và hướng dẫn Độc giả thực hiện./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

Nguyễn Tiến Trường